

Tăng tỷ trọng

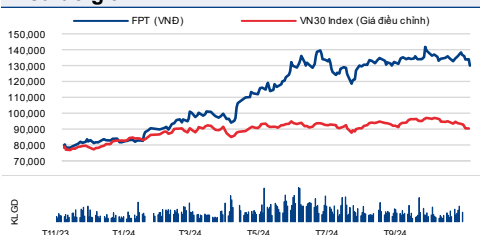
Giá mục tiêu: VNĐ147,200

Tiềm năng tăng/giảm: 13.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/11/2024)	130,000
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	78,329-141,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	132,633
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	189,858
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,473
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,460
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	716
Slg CP NN được mua (tr.đv)	41.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	46.1%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	52,618	63,409	76,284
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,738	12,798	15,620
LNTT (tỷ đồng)	9,203	11,104	13,548
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,449	7,903	9,896
FCF (tỷ đồng)	5,539	4,786	7,194
EPS ĐC (đồng)	4,661	4,937	6,181
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	19,665	20,037	23,718
T.trưởng EBITDA (%)	24.5	19.2	22.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.24	5.91	25.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.2	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	17.5	17.5	17.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.3	12.5	13.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.9	40.5	40.4
Nợ thuần/VCSH (%)	25.5	21.4	14.1
ROAE (%)	28.1	29.2	31.0
ROACE (%)	29.3	30.4	31.3
EV/doanh thu (lần)	3.25	3.08	2.54
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.9	15.3	12.4
P/E ĐC (lần)	27.9	26.3	21.0
P/B (lần)	6.61	6.49	5.48
Lợi suất cổ tức (%)	1.54	1.54	1.92

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &

nga.ttthu@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Tháng 10/2024: KQKD vững chắc, lợi nhuận thuần tăng 21% so với cùng kỳ

- KQKD tháng 10/2024 vững chắc và sát với dự báo của HSC, với 804 tỷ đồng lợi nhuận thuần (tăng 21% so với cùng kỳ và tăng 7% so với tháng trước) trên doanh thu thuần 5.555 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ và đi ngang so với tháng trước).
- Với kết quả trên, lợi nhuận thuần 10 tháng đầu năm 2024 đạt 6.566 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ), hoàn thành 83% dự báo cho cả năm 2024 ở mức 7.923 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ).
- Trong tháng 10, mảng công nghệ vẫn là động lực tăng trưởng chính, với mức doanh thu tăng 28% so với cùng kỳ và LNTT tăng 43% nhờ năng suất cải thiện. Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần mảng viễn thông cũng ghi nhận mức tăng trưởng vững chắc lần lượt ở mức 17% và 12% so với cùng kỳ.
- FPT sẽ tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với mức chi trả 1.000đ/cp (lợi suất cổ tức 0,7%) và ngày đăng ký cuối cùng là 3/12/2024. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT và giữ nguyên giá mục tiêu 147.200đ (tiềm năng tăng giá 13%).

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 10/2024 và 10 tháng đầu năm 2024

FPT công bố KQKD tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2024 sát với dự báo. Theo đó, lợi nhuận thuần đạt 804 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ và tăng 7% so với tháng trước) trên doanh thu 5.555 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ và đi ngang so với tháng trước). Với kết quả trên, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần 10 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 50.796 tỷ đồng (tăng 20% so với cùng kỳ) và 6.566 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 80% và 83% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của HSC. Chi tiết như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 10 & 10 tháng đầu năm 2024, FPT

KQKD mạnh mẽ & sát với dự báo

Tỷ đồng	T10/24	% so với cùng kỳ	% so với tháng trước	10T24	% so với cùng kỳ	% 2024F của HSC
Doanh thu	5,555	22.4%	-0.4%	50,796	19.6%	80.1%
CNTT	3,397	27.5%	-1.2%	31,361	24.5%	81.1%
Nước ngoài	2,848	31.6%	4.2%	25,516	28.9%	83.0%
Trong nước	549	9.8%	-22.1%	5,845	8.4%	73.8%
Viễn thông	1,553	16.6%	-1.2%	14,353	10.2%	83.1%
Khác	605	11.6%	6.9%	5,082	19.2%	68.2%
LNTT	1,115	21.1%	7.8%	9,226	20.0%	83.1%
CNTT	563	43.3%	27.4%	4,375	24.3%	83.5%
Nước ngoài	491	36.8%	13.7%	4,105	26.8%	85.5%
Trong nước	72	111.8%	620.0%	270	-4.9%	61.2%
Viễn thông	313	11.8%	8.7%	2,979	15.5%	83.6%
Khác	239	-3.6%	-21.1%	1,872	17.8%	81.4%
Lợi nhuận thuần	804	20.9%	6.5%	6,566	21.4%	82.9%

Nguồn: FPT, HSC

Tăng trưởng doanh thu được dẫn dắt bởi mảng công nghệ...

Doanh thu mảng công nghệ tháng 10 của FPT đạt 3.397 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ, đẩy doanh thu 10 tháng của mảng này lên 31,4 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ. Trong đó, mảng dịch vụ CNTT nước ngoài vẫn là động lực tăng trưởng chính, với doanh thu tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 2.848 tỷ đồng (tăng 32% so với cùng kỳ và 4% so với tháng trước) và 25,5 nghìn tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ. Doanh thu chuyển đổi số tăng 13% so với cùng kỳ lên 1.271 tỷ đồng (giảm 15% so với tháng trước) và đóng góp 44,6% doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài trong tháng 10/2024 (tháng 10/2023: 52%; tháng 9/2024: 55%).

Doanh thu ký kết mới trong tháng 10/2024 đạt 1.803 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ và giảm 23% so với tháng trước. Chúng tôi lưu ý rằng mức doanh thu này chưa bao gồm hợp đồng 3 năm trị giá 225 triệu USD ký với một khách hàng Mỹ gần đây. Do đó, nếu hợp đồng này được phản ánh vào doanh thu (có thể từ tháng 11-12 năm nay, với doanh thu hàng tháng ở mức 6 triệu USD, tương đương 159 tỷ đồng), doanh thu ký kết mới sẽ cải thiện. Nếu không có hợp đồng trên, doanh thu ký kết 10 tháng đầu năm 2024 đạt 27 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ.

Doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước tăng nhẹ 10% so với cùng kỳ (nhưng giảm 22% so với tháng trước) đạt 549 tỷ đồng do HĐKD của nhóm khách hàng là doanh nghiệp tư nhân tại thị trường Việt Nam vẫn yếu kém.

...và mảng viễn thông

Mảng viễn thông cũng ghi nhận KQKD vững chắc trong tháng 10, với doanh thu tăng mạnh 17% so với cùng kỳ (giảm 1% so với tháng trước) đạt 1.553 tỷ đồng và doanh thu 10 tháng đạt 14,4 nghìn tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ). Kết quả này có được là do HĐKD của phân khúc băng thông rộng tăng trưởng tích cực.

Trong khi đó doanh thu mảng giáo dục và đầu tư trong tháng 10 tăng trưởng khiêm tốn lần lượt ở mức 12% và 7% so với cùng kỳ đạt 605 tỷ đồng, đẩy doanh thu 10 tháng tăng 19% so với cùng kỳ lên 5.082 tỷ đồng. Chúng tôi lưu ý rằng số lượng sinh viên tuyển sinh cho năm học mới tăng chậm ảnh hưởng đến doanh thu mảng giáo dục.

Mức giảm tỷ suất lợi nhuận mảng giáo dục và đầu tư được bù trừ bởi mức tăng tỷ suất lợi nhuận mảng công nghệ

LNTT tháng 10 của FPT đạt 1.115 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và 8% so với tháng trước, đẩy LNTT 10 tháng đầu năm 2024 lên 9.226 tỷ đồng (tăng 20% so với cùng kỳ), đa phần nhờ KQKD tích cực của mảng công nghệ. Theo đó, LNTT mảng này tăng mạnh 43% so với cùng kỳ và 27% so với tháng trước đạt 563 tỷ đồng trong tháng 10 và 4.375 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ) trong 10 tháng đầu năm 2024. Tỷ suất LNTT mảng công nghệ đi ngang ở mức 14% trong 10 tháng đầu năm 2024, trong đó:

- LNTT mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng mạnh 37% so với cùng kỳ và tăng 14% so với tháng trước đạt 491 tỷ đồng. Theo đó, tỷ suất LNTT tháng 10 đạt 17,2, so với 16,6% trong tháng 10/2023 và 15,8% trong tháng 9/2024. Kết quả trên có được là nhờ năng suất cải thiện và tăng phí dịch vụ đối với các hợp đồng mới ký gần đây.
- LNTT mảng dịch vụ CNTT trong nước tăng mạnh 112% so với cùng kỳ và 620% so với tháng trước đạt 72 tỷ đồng nhờ thời điểm ghi nhận doanh thu và hoàn thành dự án. Với kết quả trên, tỷ suất LNTT mảng này tăng mạnh lên 13,1% trong tháng 10, so với 6,8% trong tháng 10/2023 và 1,4% trong tháng 9/2024.

Nhìn chung, tỷ suất LNTT của mảng công nghệ cải thiện mạnh lên 16,6% trong tháng 10 từ mức 14,8% cùng kỳ năm ngoái và 12,9% trong tháng trước đó.

LNTT mảng viễn thông tăng khiêm tốn 12% so với cùng kỳ và 9% so với tháng trước đạt 313 tỷ đồng trong tháng 10 và 2.979 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ).

kỳ) trong 10 tháng đầu năm 2024. Tỷ suất LNTT tháng 10 vững chắc ở mức 20,2% (tháng 10/2023: 21%; tháng 9/2024: 18,3%) nhờ quản lý chi phí hiệu quả. Theo đó, tỷ suất LNTT 10 tháng đầu năm 2024 của mảng viễn thông tăng lên 20,8% từ mức 19,8% trong 10 tháng đầu năm 2023.

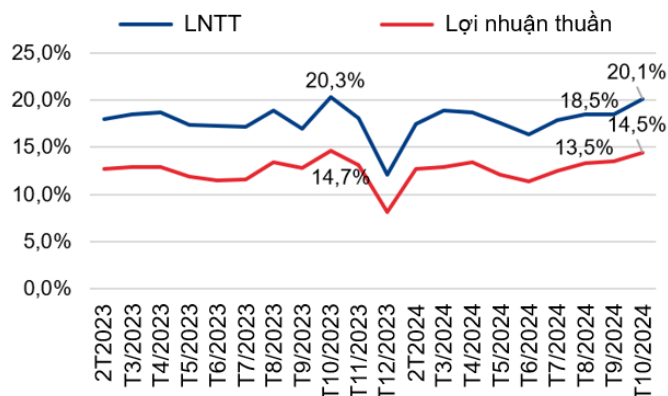
LNTT mảng giáo dục và đầu tư giảm mạnh 4% so với cùng kỳ và giảm 21% so với tháng trước xuống chỉ còn 239 tỷ đồng. Lợi nhuận hàng tháng của mảng này dễ bị ảnh hưởng bởi việc trích lập dự phòng cho một số khoản đầu tư. Do đó, LNTT 10 tháng đầu năm 2024 đạt 1.872 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ). Tỷ suất LNTT mảng giáo dục và đầu tư giảm xuống chỉ còn 39,5% trong tháng 10/2024, so với mức 45,8% trong tháng 10/2023 và 53,5% trong tháng 9/2024.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT và giữ nguyên giá mục tiêu 147.200đ (tiềm năng tăng giá 13%). Chúng tôi cũng giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho năm 2024, với lợi nhuận thuần đạt 7.923 tỷ đồng, tăng trưởng 22,5% so với cùng kỳ.

Biểu đồ 2: Tỷ suất lợi nhuận theo tháng, FPT

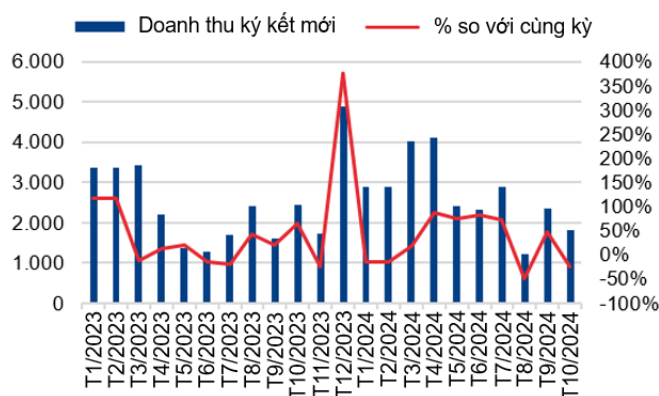
Tỷ suất lợi nhuận tháng 10/2024 tăng so với tháng trước mặc dù đi ngang so với cùng kỳ



Nguồn: FPT, HSC

Biểu đồ 3: Doanh thu ký kết mới theo tháng, FPT

Hợp đồng lớn ký kết với Mỹ sẽ hỗ trợ tăng trưởng doanh thu trong những năm tới



Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	44,010	52,618	63,409	76,284	92,859
Lợi nhuận gộp	17,167	20,320	24,516	29,676	36,263
Chi phí BH&QL	(10,373)	(11,868)	(14,368)	(17,337)	(21,152)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	484	42.3	314	499	630
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	73.0	91.3	110	132	161
LN TT	7,662	9,203	11,104	13,548	16,600
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,181)	(1,323)	(1,559)	(1,697)	(1,852)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,310	6,465	7,923	9,920	12,434
Lợi nhuận thuần ĐC	5,297	6,449	7,903	9,896	12,405
EBITDA ĐC	8,628	10,738	12,798	15,620	19,163
EPS (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
EPS ĐC (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,095	1,267	1,460	1,460	1,460
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Đầu tư ngắn hạn	13,047	16,104	19,325	23,190	27,828
Phải thu khách hàng	8,503	9,674	11,604	13,960	16,993
Hàng tồn kho	1,966	1,593	1,902	2,289	2,786
Các tài sản ngắn hạn khác	982	1,055	1,268	1,526	1,857
Tổng tài sản ngắn hạn	30,938	36,706	45,027	56,301	70,330
TSCĐ hữu hình	11,776	13,697	14,720	15,695	16,476
TSCĐ vô hình	1,287	1,257	1,197	1,094	936
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,033	1,227	1,322	1,421	1,525
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,206	2,108	2,213	2,324	2,440
Tài sản dài hạn khác	4,411	5,288	5,992	6,591	7,461
Tổng tài sản dài hạn	20,713	23,577	25,443	27,124	28,837
Tổng cộng tài sản	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
Nợ ngắn hạn	10,904	13,838	15,852	18,308	20,429
Phải trả người bán	3,209	2,603	3,170	3,814	4,643
Nợ ngắn hạn khác	9,246	11,176	13,011	15,653	19,054
Tổng nợ ngắn hạn	24,521	29,652	34,365	40,579	47,540
Nợ dài hạn	1,478	208	600	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	149	246	330	396	475
Nợ dài hạn khác	143	175	209	252	307
Tổng nợ dài hạn	1,770	629	1,139	1,648	1,782
Tổng nợ phải trả	26,294	30,350	35,504	42,227	49,322
Vốn chủ sở hữu	21,046	24,974	29,263	34,640	42,303
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,310	4,959	5,703	6,558	7,542
Tổng vốn chủ sở hữu	25,356	29,933	34,966	41,198	49,845
Tổng nợ phải trả và VCSH	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
BVPS (đ)	19,185	19,665	20,037	23,718	28,966
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,942	5,767	5,524	3,971	564

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Khấu hao	(1,833)	(2,287)	(2,650)	(3,281)	(4,052)
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Thuế TNDN đã nộp	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Thay đổi vốn lưu động	(1,781)	678	(1,793)	(1,649)	(2,123)
Khác	(933)	(1,102)	(1,199)	(882)	(788)
LCT thuần từ HKKD	5,054	9,517	8,718	11,735	14,636
Đầu tư TS dài hạn	(3,215)	(3,978)	(3,932)	(4,541)	(5,147)
Góp vốn & đầu tư	(33,552)	(35,290)	(3,326)	(3,976)	(4,754)
Thanh lý	40,731	30,582	0	0	0
Khác	1,794	2,137	1,704	1,986	2,323
LCT thuần từ HĐĐT	5,757	(6,548)	(5,554)	(6,531)	(7,578)
Cổ tức trả cho CSH	(2,222)	(2,931)	(2,921)	(3,651)	(3,651)
Thu từ phát hành CP	77.0	73.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(7,620)	1,719	2,406	2,856	2,121
Khác	(8.38)	(30.2)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9,773)	(1,168)	(515)	(795)	(1,530)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,418	6,440	8,279	10,928	15,337
LCT thuần trong kỳ	1,038	1,800	2,649	4,409	5,529
Ảnh hưởng của tỷ giá	(15.4)	38.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Dòng tiền tự do	1,839	5,539	4,786	7,194	9,490

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	39.0	38.6	38.7	38.9	39.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.6	20.4	20.2	20.5	20.6
Tỷ suất LNT (%)	12.1	12.3	12.5	13.0	13.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.3	15.4	14.6	14.3	13.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	23.4	19.6	20.5	20.3	21.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.2	24.5	19.2	22.0	22.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	22.7	21.7	22.6	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng DPS (%)	(25.9)	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.2	42.9	40.5	40.4	32.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.2	28.1	29.2	31.0	32.3
ROACE (%)	26.6	29.3	30.4	31.3	32.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.84	0.94	0.97	0.99	1.02
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.74	1.13	0.86	0.95	0.97
Số ngày tồn kho	26.7	18.0	17.9	17.9	18.0
Số ngày phải thu	116	109	109	109	110
Số ngày phải trả	43.6	29.4	29.8	29.9	29.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	30.6	25.5	21.4	14.1	3.92
Nợ/tài sản (%)	24.9	24.3	24.4	24.2	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.49	1.36	1.34	1.29	1.18
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.26	1.24	1.31	1.39	1.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.38	3.25	3.08	2.54	2.05
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.2	15.9	15.3	12.4	9.94
P/E (lần)	29.4	27.9	26.3	21.0	16.8
P/E ĐC (lần)	29.4	27.9	26.3	21.0	16.8
P/B (lần)	6.78	6.61	6.49	5.48	4.49
Lợi suất cổ tức (%)	1.54	1.54	1.54	1.92	1.92

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn